



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174

Địa chỉ: số 10 Liền kề 29, KĐT mới Văn Canh, xã Văn Canh, huyện Hoài Đức,
Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243.2028865

Email: phantich.ecvn@gmail.com

BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU TẠI HIỆN TRƯỜNG

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2025

- Đơn vị yêu cầu quan trắc: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CM**
- Địa điểm quan trắc: phường Hoàng Lâm và phường Lê Hồng Phong, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
- Cán bộ giám sát:
- Cán bộ quan trắc: Nguyễn Trường Sơn
- Thông tin đo đạc và lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Toạ độ	Ghi chú
1	NT1/03/28.03.2025	Nước thải tại điểm xả nước thải vào môi trường tiếp nhận kênh Kiền Bái Tây	X=2313075 Y=591448	
2	NM1/03/28.03.2025	Nước mặt tại vị trí khai thác nước mặt (Sông Cấm)	X: 2312979 Y: 590808	

Việc lấy và bảo quản mẫu thực hiện theo đúng các TCVN tương ứng hiện hành, có sự giám sát của các bên liên quan. Nội dung Biên bản lấy mẫu đã thông qua những người tham gia và nhất trí ký tên dưới đây.

Việc lấy mẫu được bắt đầu vào 15 giờ 30 phút, ngày 28/03/2025 và kết thúc vào 19 giờ 30 phút, ngày 28/03/2025.

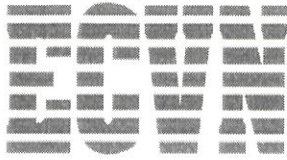
Đại diện đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chu Thanh Loan

Đại diện đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường Sơn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01781/2025/PKQ (25.410)

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
Đơn vị được quan trắc : Chi nhánh Công ty cổ phần thép Việt Ý tại Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : phường Hoàng Lâm và phường Lê Hồng Phong, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải **Số lượng mẫu:** 01
Ngày lấy mẫu : 28/03/2025 **Thời gian phân tích:** 28/03/2025 – 21/04/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT
				W2503/1229	Cột B
1.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,35	5 ÷ 9
2.	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) ^(a)	mg/L	SOP.ECVN.ĐN-N01	289	1.000
3.	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	16,1	50
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	2,8	100
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,027	10
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	2,34	50
7.	Photphat (PO ₄ ³⁻ _P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,37	10
8.	Sunfua (S ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,02)	4
9.	Dầu mỡ động, thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	0,52	20
10.	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,09	10
11.	Coliform ^(a)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2017	1,3x10 ³	5.000

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ W2503/1229: NT1/03/28.03.2025/Nước thải tại điểm xả nước thải vào môi trường tiếp nhận kênh Kiền Bái Tây.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 - Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 - Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 - Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

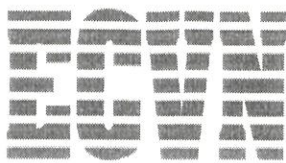
Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC


ĐỖ THỊ NGỌC DIỄM


LÊ THUY ĐƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01782/2025/PKQ (25.410)

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị được quan trắc : Chi nhánh Công ty cổ phần thép Việt Ý tại Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : phường Hoàng Lâm và phường Lê Hồng Phong, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước mặt **Số lượng mẫu:** 01
Ngày lấy mẫu : 28/03/2025 **Thời gian phân tích:** 28/03/2025 – 21/04/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 08:2023/ BTNMT
				W2503/1230	Bảng 1 - Bảng 2 (Mức B)
1.	Florua (F ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-F-.B&D:2017	KPH (MDL=0,03)	1
2.	NH ₄ ⁺ _N ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,02)	0,3
3.	Nitrit (NO ₂ ⁻ _N) ^(a)	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH (MDL=0,005)	0,05
4.	Tổng Phenol ^(a)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (MDL=0,001)	0,005
5.	Clorua (Cl ⁻) ^(a)	mg/L	TCVN 6194:1996	39	250
6.	Lindan ^(a)	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,01)	0,02
7.	Sắt (Fe) ^(a)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,061	0,5
8.	Xyanua (CN ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-CN-.C&E:2017	KPH (MDL=0,005)	0,01
9.	Crom (VI) ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,01
10.	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL=0,0006)	0,01
11.	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (MDL=0,00015)	0,001
12.	Cd ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0002)	0,005
13.	Chì (Pb) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,001	0,02



1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 08:2023/ BTNMT
				W2503/1230	Bảng 1 - Bảng 2 (Mức B)
14.	Tổng Crom (Cr) ^(a)	mg/L	TCVN 6222:2008	0,002	0,05
15.	Đồng (Cu) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,01)	0,1
16.	Zn ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,07)	0,5
17.	Niken (Ni) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,002	0,1
18.	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)	0,1
19.	Aldrin ^(a)	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,01)	0,1
20.	Dieldrin ^(a)	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,01)	0,1
21.	Tổng dầu, mỡ ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B:2017	0,41	5
22.	E.coli ^(a)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221G:2017	KPH (MDL=2)	20
23.	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(a)	Bq/L	TCVN 8879:2011	0,016	0,1
24.	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(a)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL=0,06)	1
25.	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	0,1
26.	Antimon (Sb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,005)	0,02

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ **W2503/1230:** NM1/03/28.03.2025/Nước mặt tại vị trí khai thác nước mặt (Sông Cẩm).

- Quy chuẩn so sánh:

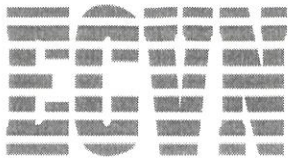
+ **QCVN 08:2023/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

Bảng 2 (Mức B): Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước.

- Chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam.

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG


ĐỖ THỊ NGỌC DIỄM

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC

LÊ THUY DƯƠNG



1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh giá^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh giá^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

